

Bản án số: 338/2021/HS-PT
Ngày: 04-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy.

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Tất Trình;
2. Bà Đoàn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 293/2021/TLPT-HS ngày 09/7/2021, đối với bị cáo Trương Lê Đình P, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2021/HS-ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trương Lê Đình P; giới tính: Nam; sinh năm: 1994 tại tỉnh Đ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã M, huyện X, tỉnh Đ; nơi cư trú: 64 ấp H, xã B, huyện M, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Trương Đình X và bà Lê Thị Q1; có vợ và 02 con (lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020); Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 12/6/2020, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Lê Đình P: Ông Đỗ Lê Cao Đăng T - Luật sư của Văn phòng Luật sư Đ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Phan Hoàng N không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 12/6/2020, Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an quận B phối hợp với Công an phường H, quận B kiểm tra hành chính nhà số 61 đường A, khu phố C, phường H, quận B, phát hiện Nguyễn Phan Hoàng N có hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, tại lầu 1 có Trương Lê Đình P, Lù Nguyệt L, Nguyễn Thị Tuyết N1 và Trương Như Q đang ở trong phòng, kiểm tra phòng phát hiện và thu giữ trên bàn 01 gói nylon chứa 02 viên nén màu xanh, 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, 01 đĩa sành màu trắng chứa chất bột màu trắng. Trương Lê Đình P khai nhận toàn bộ là ma túy của Trương Lê Đình P mua mang vào phòng để sử dụng, nên tổ tuần tra tiên hành bắt giữ Nguyễn Phan Hoàng N và Trương Lê Đình P cùng vật chứng đưa về Công an phường lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Hồ sơ vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B để thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Theo Kết luận giám định số 984/KLGD-H ngày 22/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon niêm phong có chữ ký Trương Lê Đình P và hình dấu Công an phường H, quận B (ký hiệu mẫu m1) là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,0487g loại Ketamine; 02 viên nén màu xanh (ký hiệu mẫu m2) là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,7048g loại MDMA;

Gói 2: Bột màu trắng trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký Trương Lê Đình P và hình dấu Công an phường H, quận B (ký hiệu mẫu m3) là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,2791g loại Ketamine.

Nguyễn Phan Hoàng N khai nhận, nhà số 61 đường A, khu phố C, phường H, quận B do Nguyễn Phan Hoàng N nhờ một người tên Nguyễn Thanh H (chưa rõ lai lịch) đứng ra thuê giữm, Nguyễn Phan Hoàng N hoàn toàn quyết định việc sử dụng và là người đứng ra trả tiền nhà. Nguyễn Phan Hoàng N tự thiết kế căn phòng tại lầu 1 (mua loa, âm thanh, đèn chớp, miếng dán tường cách âm) mục đích cho người khác thuê sử dụng trái phép chất ma túy với giá 3.000.000 đồng/lần thuê tương đương với 12 giờ. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 12/6/2020, Trương Lê Đình P cùng Lù Nguyệt L đến gặp Nguyễn Phan Hoàng N thuê phòng để sử dụng trái phép chất ma túy, khi Trương Lê Đình P vào phòng khoảng 30 phút thì có Nguyễn Thị Tuyết N1 và Trương Như Q là bạn của Trương Lê Đình P cùng lần lượt đến phòng Trương Lê Đình P để cùng sử dụng ma túy. Sau đó, Nguyễn Phan Hoàng N xuống ghế nằm. Đến 06 giờ 30 phút ngày 12/6/2020, lực lượng Công an vào kiểm tra và bắt quả tang. Số ma túy Công an thu giữ là của Trương Lê Đình P mang vào sử dụng, Nguyễn Phan Hoàng N không cung cấp hay bán cho Trương Lê Đình P, Nguyễn Phan Hoàng N chỉ cho thuê địa điểm cho Trương Lê Đình P và bạn của Trương Lê Đình P sử

dụng ma túy, Nguyễn Phan Hoàng N biết rõ Trương Lê Đình P thuê để sử dụng trái phép chất ma túy.

Trương Lê Đình P khai nhận: Khoảng 00 giờ ngày 12/6/2020, Trương Lê Đình P gọi điện cho một người bạn quen biết ngoài xã hội tên T1 (không rõ lai lịch) nhờ giới thiệu và đặt phòng để sử dụng ma túy. Sau đó, Trương Lê Đình P dẫn theo Lù Nguyệt L đến thuê phòng của Nguyễn Phan Hoàng N theo sự hướng dẫn của T1. Khi đến Nguyễn Phan Hoàng N dẫn Trương Lê Đình P và Long lên phòng tại lầu 1 nhà số 61 đường A, phường H, quận B, Trương Lê Đình P gọi điện cho T1 mua ma túy với giá 3.500.000 đồng và T1 đến giao cho Trương Lê Đình P trước cổng nhà số 61 đường A, phường H, quận B. Sau khi mua ma túy, Trương Lê Đình P gọi điện rủ Nguyễn Thị Tuyết N1 đến để cùng sử dụng ma túy, Nguyễn Thị Tuyết N1 dẫn theo Trương Như Q cùng đi chung. Tại đây, Trương Lê Đình P cùng Long, Nguyễn Thị Tuyết N1 và Trương Như Q sử dụng ma túy. Việc Trương Lê Đình P mua ma túy chỉ một mình Trương Lê Đình P biết, Trương Lê Đình P không thu tiền của bất cứ ai và không ai biết Trương Lê Đình P tàng trữ ma túy.

Lù Nguyệt L, Nguyễn Thị Tuyết N1 và Trương Như Q khai được Trương Lê Đình P rủ đến phòng để cùng sử dụng ma túy. Khi đến Trương Lê Đình P cung cấp ma túy cho cả nhóm sử dụng. Nguồn gốc ma túy ở đâu thì cả nhóm không biết. Sau khi sử dụng thì không bị thu tiền và bản thân không hùn tiền để mua ma túy.

Lời khai của Nguyễn Phan Hoàng N, Trương Lê Đình P, Lù Nguyệt L, Nguyễn Thị Tuyết N1 và Trương Như Q phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2021/HS-ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân quận B đã quyết định:

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trương Lê Đình P phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trương Lê Đình P 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/6/2020.

Ngoài ra, Bản án Hình sự sơ thẩm còn tuyên hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Phan Hoàng N, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/6/2020, bị cáo Trương Lê Đình P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trương Lê Đình P trình bày: Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và trình bày bị cáo chỉ rủ Nguyễn Thị Tuyết N1 đến để cùng sử dụng ma túy, nhưng Nguyễn Thị Tuyết N1 lại dẫn theo Trương Như Q đi chung.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” phải có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy, nhưng Trương Lê Đình P không có hành vi này mà sau khi sử dụng ma túy xong, Trương Lê Đình P để số ma túy còn lại ngay trên bàn mà không cất giấu vào nơi khác, nên Trương Lê Đình P không phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”: đồng ý với tội danh này, nhưng đề nghị áp dụng điều luật đối với Trương Lê Đình P quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, vì Trương Lê Đình P chỉ gọi điện thoại rủ một mình Nguyễn Thị Tuyết N1 đến để sử dụng ma túy, nhưng Nguyễn Thị Tuyết N1 tự ý dẫn theo Trương Như Q, như vậy Trương Lê Đình P không phạm tội đối với hai người trở lên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo Trương Lê Đình P tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội và mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng không cung cấp được tài liệu bổ sung. Nhận thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Lê Đình P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 128/2021/HS-ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân quận B.

Bị cáo Trương Lê Đình P không có ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng bị cáo trình bày hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Trương Lê Đình P tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Khoảng 00 giờ ngày 12/6/2020, Trương Lê Đình P dẫn theo Lù Nguyệt L đến thuê phòng của Nguyễn Phan Hoàng N tại lầu 1 nhà số 61 đường A, phường H, quận B. Sau đó, Trương Lê Đình P gọi điện cho T1 (không rõ lai lịch) mua ma túy với giá 3.500.000 đồng, T1 đến giao cho Trương Lê Đình P

trước cổng nhà số 61 đường A, phường H, quận B. Sau khi mua ma túy, Trương Lê Đình P gọi điện rủ Nguyễn Thị Tuyết N1 đến để cùng sử dụng ma túy, Nguyễn Thị Tuyết N1 dẫn theo Trương Như Q cùng đi chung. Tại đây, Trương Lê Đình P cùng Long, Nguyễn Thị Tuyết N1 và Trương Như Q sử dụng ma túy. Việc Trương Lê Đình P mua ma túy chỉ một mình Trương Lê Đình P biết, Trương Lê Đình P không thu tiền của bất cứ ai và không ai biết Trương Lê Đình P tàng trữ ma túy.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 12/6/2020, Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an quận B phối hợp với Công an phường H, quận B kiểm tra hành chính nhà số 61 đường A, khu phố C, phường H, quận B. Qua kiểm tra, phát hiện Nguyễn Phan Hoàng N đang có hành vi cho Trương Lê Đình P thuê phòng để sử dụng trái phép chất ma túy. Khi kiểm tra lần 1 có Trương Lê Đình P, Lù Nguyệt L, Nguyễn Thị Tuyết N1 và Trương Như Q đang ở trong phòng, kiểm tra phòng phát hiện và thu giữ trên bàn có 01 gói nylon chứa 02 viên nén màu xanh, 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, 01 đĩa sành màu trắng chứa chất bột màu trắng. Theo Kết luận giám định số 984/KLGĐ-H ngày 22/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận có 1,0487g loại Ketamine + 0,2791g loại Ketamine và 0,7048g loại MDMA.

Trương Lê Đình P khai nhận toàn bộ là ma túy của Trương Lê Đình P mua mang vào phòng để sử dụng chung và sau khi Trương Lê Đình P sử dụng ma túy xong thì để lại trên bàn cho Long, Nguyễn Thị Tuyết N1 và Trương Như Q sử dụng tiếp, nên tổ tuần tra tiến hành bắt giữ Nguyễn Phan Hoàng N và Trương Lê Đình P cùng vật chứng đưa về Công an phường lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Như vậy, hành vi của bị cáo Trương Lê Đình P đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án nhân dân quận B xử phạt bị cáo Trương Lê Đình P theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Đây cũng là lập luận không chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư, mà chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Lê Đình P: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu để áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo; xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp và tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng không cung cấp được tài liệu bổ sung nào khác, nên kháng cáo của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Lê Đình P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị cáo Trương Lê Đình P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Lê Đình P và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 128/2021/HS-ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân quận B.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Lê Đình P 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/6/2020.

Bị cáo Trương Lê Đình P phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|-------|
| - TANDTC; | (1) |
| - TAND Cấp Cao tại Tp.HCM; | (1) |
| - VKSND Cấp cao tại Tp.HCM; | (2) |
| - VKSND TP.HCM; | (2) |
| - VKSND quận B; | (1) |
| - P.PV06 - CA TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - TAND quận B; | (1) |
| - Chi cục THADS quận B; | (1) |
| - Công an quận B; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ | (21). |

Phạm Uyên Thy